

DI SẢN PHẬT GIÁO THẾ KỶ XI ĐẾN THẾ KỶ XIV Ở THANH HÓA: VẤN ĐỀ BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ

HÀ ĐÌNH HÙNG

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Nhận bài ngày 07/5/2026. Sửa chữa xong 06/6/2026. Duyệt đăng 13/6/2026.

Abstract

Buddhism and its ideas of tolerance hold great significance in Vietnam's cultural history. The position and influence of Buddhism have been evident since its introduction, especially under the Ly-Tran dynasties, a crucial period in shaping Vietnamese cultural identity during the era of national independence and autonomy. Buddhism in Thanh Hoa has received limited scholarly attention because of the scarcity of surviving materials. This article clarifies aspects of Buddhist influence on social life in the historical and cultural context of Ai Chau (Thanh Hoa) at that time, based on historical sources and extant inscriptions. It provides a fuller understanding of a distinctive historical and cultural period of Thanh Hoa under the Ly-Tran dynasties.

Keywords: Buddhism, cultural heritage, inscriptions, preservation and value promotion, Thanh Hoa.

1. Đặt vấn đề

Chưa có tài liệu ghi nhận thời điểm chính xác Phật giáo xuất hiện trên đất Thanh. Cho đến ngày nay, từ những thư tịch văn bia rải rác còn lại cũng như đối chiếu với các tư liệu lịch sử, mặc dù còn thăng hoặc, ít ỏi đã cho chúng ta một hình dung sơ bộ về không khí, hoạt động Phật giáo thời Lý-Trần ở xứ Thanh, trên một vùng đất mà đến nay vẫn nhiều người lầm tưởng rằng các yếu tố Nho giáo có lẽ lấn át bởi những dấu ấn đầy ắp kể từ sau cuộc khởi nghĩa chống giặc Minh của Lê Lợi cho đến tận thời kỳ Trịnh-Nguyễn trở về sau, Thanh Hóa đã trở thành vùng đất quý hương, thang mộc của triều đình. Xứ Thanh, với vị trí bản lề, xung yếu và chiến lược của đầu thời kỳ tự chủ và đặc biệt dưới thời Lý-Trần, đã có các hoạt động Phật giáo sôi động, được cống hiến và thúc đẩy đáng kể của tầng lớp quý tộc quan lại đương thời cùng những tăng thống, sư tăng tiêu biểu, để lại diện mạo không thể phai mờ, góp phần tô điểm thêm cho lịch sử Phật giáo Việt Nam hàng ngàn năm.

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Những tài liệu ghi nhận về Phật giáo ở Thanh Hóa giai đoạn từ những năm đầu công nguyên đến thời kỳ tự chủ là khá ít ỏi. Theo các tài liệu dẫn lại từ địa chí tỉnh Thanh Hóa và Lịch sử Thanh Hóa, tập 2 cho biết, vào khoảng thế kỷ thứ VI, thứ VII sau Công nguyên ở Ai Châu đã thịnh hành Phật giáo. Tuy nhiên, các nghiên cứu hệ thống có liên quan như tình hình hoạt động, sinh hoạt tôn giáo và không khí Phật giáo trong nhân dân trong suốt một giai đoạn khá dài từ đầu Công nguyên đến thế kỷ XIII chưa được làm sáng tỏ. Ngày nay, những thông tin này không được tập hợp một cách xuyên suốt, hệ thống mà chỉ đọng lại trong các hiện vật văn hóa, chủ yếu là văn bia cổ. Do vậy, nhận thức về Phật giáo xứ Thanh trong giai đoạn đạo Phật phát triển huy hoàng nhất trong lịch sử dân tộc ở Thanh Hóa là công việc tương đối khó khăn.

Năm 2016, Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Thanh Hóa và Ban Nghiên cứu và Biên soạn lịch sử Thanh Hóa (nay thuộc Trung tâm Bảo tồn Di sản văn hóa và Biên soạn lịch sử) đã phối hợp tổ chức biên soạn sách Chùa Xứ Thanh (4 tập), phác họa bức tranh lịch sử Phật giáo tỉnh Thanh Hóa và giới thiệu các ngôi chùa tiêu biểu trong tỉnh. Đây là nguồn tư liệu giá trị trong hành trình nhận thức về Phật giáo thời Lý-Trần ở Thanh Hóa - một di sản văn hóa quý giá. Từ kết quả nghiên cứu của công trình, có nhắc đến các ngôi chùa có lịch sử, vết tích thời kỳ Lý-Trần như: Linh Xứng, Long Cảm (Hà Trung), Sùng Nghiêm

Email: hadinhhung@dvttdt.edu.vn

(Hậu Lộc), Hương Nghiêm (Thiệu Hóa), Báo Ân (Đông Sơn), Tường Vân, Hoa Long, Du Anh, Báo Ân (Vĩnh Lộc), Thạch Tuyền (Nga Sơn), Đót Tiên, Bãi Đông (Tĩnh Gia), chùa Kênh (Quảng Xương)... gắn liền với các trang sử tự hào trong hành trình lịch sử-văn hóa của dân tộc.

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết vấn đề nghiên cứu đặt ra, tác giả sử dụng phương pháp tiếp cận sử học kết hợp văn hóa học nhằm làm sáng tỏ các phương diện hoạt động của Phật giáo xứ Thanh trong thời kỳ Lý-Trần. Bằng phương pháp liệt kê, so sánh, phân tích, tổng hợp trên cơ sở nghiên cứu tài liệu và tham vấn chuyên gia để bước đầu làm xác định không khí sinh hoạt Phật giáo và những gương mặt tăng ni, thiền sư tiêu biểu đã hoạt động Phật giáo trên đất xứ Thanh cách nay gần 10 thế kỷ.

4. Nội dung nghiên cứu

4.1. Không khí Phật giáo xứ Thanh thời Lý-Trần phản ánh qua tư liệu văn bia

Thời Lý-Trần, khi Phật giáo trở thành hệ tư tưởng chính thống, góp phần củng cố, xây dựng nhà nước trung ương tập quyền. Ảnh hưởng của Phật giáo đã bám rễ, ăn sâu vào hầu hết các phương diện khác nhau của đời sống xã hội. Lý Công Uẩn, vị vua sáng lập Triều Lý xuất thân từ cửa thiền và được hỗ trợ bởi một trong những vị thiền sư nổi tiếng là Vạn Hạnh Quốc Sư. Vua Trần Nhân Tông sau chiến thắng quân Nguyên-Mông đã cỡi hoàng bào, xuất gia, trở thành “Trúc Lâm Đầu Đà”, vị tổ khai sáng dòng “thiền nội” Trúc Lâm Yên Tử. Tài liệu thư tịch cho biết, Nhà nước phong kiến Lý-Trần đã có nhiều sắc lệnh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Phật giáo phát triển. Dưới sự ủng hộ và cho phép của nhà nước, chùa chiền được mở rộng, số lượng tăng ni, Phật tử ngày càng tăng lên. Vua Lý còn sai sứ sang Trung Hoa xin kinh Tam tạng về truyền dạy trong chùa, mở rộng đến chúng sinh. Do đó, trong triều đình thì đạo Phật là rường cột, ngoài xã hội thì tràn ngập không khí đạo Phật. Lời bàn của Sử gia Lê Văn Hưu trong Đại Việt Sử ký Toàn thư: *“dân chúng quá nửa làm sãi, chỗ nào cũng có chùa chiền”* cho thấy mức độ và tính chất Phật giáo hóa mạnh mẽ của thời kỳ này. Đây cũng là thời kỳ mà ảnh hưởng của Phật giáo đến đời sống văn hóa - xã hội trên vùng đất Xứ Thanh được ghi nhận là mạnh mẽ và có nhiều dấu ấn nhất. Trong thời kỳ này, vùng đồng bằng và ven biển phía Bắc Thanh Hóa đã trở thành một trung tâm Phật giáo lớn của khu vực, với hàng loạt các cổ tự nổi tiếng như: Hương Nghiêm (Thiệu Hóa); Báo Ân (Đông Sơn), Linh Xứng (Hà Trung); Sùng Nghiêm Diên Thánh (Hậu Lộc), Hưng Phúc (Quảng Xương)...

Thanh Hóa vào thời Lý lại được trị nhậm bởi một trong những vị tướng lỗi lạc là Lý Thường Kiệt và chính ông là người đã làm cho đời sống Phật giáo tại đây trở nên nhộn nhịp. Thư tịch cho biết, trong 20 năm trị nhậm Ái Châu với chức vụ Tổng Trấn (1081-1101), bản thân Lý Thường Kiệt đã là một người tín mộ đạo Phật: *“Thái úy tuy thân vương việc đời, mà lòng vẫn hướng về đạo Phật”*¹. Với lòng nhiệt thành, mộ đạo, ông đã có những đóng góp khá đáng kể vào công cuộc phát triển Phật giáo, người cho đúc xuất, thi công và tu sửa rất nhiều cổ tự trên đất Xứ Thanh. Chùa Báo Ân và chùa Linh Xứng là hai trong số những “đại danh lam” mà ông là người trực tiếp cho khởi dựng. Các cổ tự quy mô như Sùng Nghiêm, Hương Nghiêm cũng được ông cho chỉnh trang, tu sửa trong thời kỳ này. Văn bia các ngôi chùa cổ trên đất Thanh đã ghi lại đầy đủ thông tin về hoạt động của Lý Thường Kiệt tại Thanh Hóa, trong đó nổi bật là những hoạt động mang ý nghĩa cổ súy, mở mang và nâng đỡ Phật giáo. Một không khí sùng đạo, cảm tình Phật đạo trở nên mạnh mẽ tại Ái Châu, *“tất cả những người xứ này, hiền ngu lẫn lượt, giàu nghèo đúng phiên đều xan đất rẫy cỏ, dựng chùa”*². Nhân sự kiện khánh thành chùa Linh Xứng *“bọn người mũ ni kẻ sĩ áo thâm như mây kéo tới”*³. Hoạt động và ảnh hưởng của Đạo Phật có mặt khắp mọi nơi, một người con hiếu đễ như Hoàng Thừa Nhĩ⁴ nhớ công ơn dưỡng dục của bậc sinh thành mà *“tìm người hay chữ trong chốn thiền tăng, soạn bài văn hay để truyền lại hậu thế”*⁵. Không những chùa công, mà chùa tư

1) Trích Văn bia Ngưỡng Sơn Linh Xứng tự bi minh, năm thứ 7 niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ (1126, đời Lý Nhân Tông), Lê Văn Tạo, Nguyễn Văn Hải (2008), Những bia ký điển hình ở Thanh Hóa, Nxb Thanh Hóa, tr 106.

2) Văn bia An Hoạch Sơn Báo Ân tự bi ký, niên hiệu Hội Phong thứ 9 (1100)

3) Văn bia Ngưỡng Sơn Linh Xứng tự bi minh, năm thứ 7 niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ (1126, đời Lý Nhân Tông)

4) Con trai Hoàng Khánh Văn, người giữ chức quyền Thanh Hóa trại đời Lý Nhân Tông (1090)

5) Văn bia Minh Tịnh tự bi văn, niên hiệu Quảng Hựu thứ 6 (1090)

trong trang viên quý tộc cũng xuất hiện. Theo văn bia chùa Linh Xứng, năm đầu tiên niên hiệu Thuận Vũ (1069) triều Lý, nhà vua đã cho phép cả gia đình người cháu gái gọi Lý Thái Ủy bằng cậu được phép rút tên khỏi hộ tịch công điền để mở mang trang viên và tu tập tại đây. Quan hệ giữa Phật giáo với đời sống làng xã đến độ gần bó mật thiết, ngôi chùa đi vào đời sống cộng đồng như một biểu tượng, dân có ruộng tư điền, chùa có ruộng hậu điền. Đến thời Trần, một số chùa lớn vùng ven biển phía Đông Bắc Thanh Hóa đã phổ biến ruộng hậu “nay có mảnh đất hoang ngập mặn, thừa hơn hai khoảnh cận kề chân núi... xin cúng vào chùa làm ruộng Tam Bảo, cày cấy lấy lương thực nuôi chúng tăng, còn đâu bổ trợ cho việc tu sửa chớ để cảnh chùa đổ nát”⁶ vẫn còn lưu lại trên bia Văn Lỗi đến tận ngày nay.

Công cuộc mở mang, giáo hóa Phật pháp ở Ái Châu được xem là chính sách nhất quán của Nhà nước phong kiến thời Lý-Trần và được các chư tăng, quan lại hết sức quan tâm: “nhân lúc rảnh việc triều chính, ông thầy của Thái hậu là trưởng giả Sùng Tín bỗng từ kinh sư đến quận này (Ái Châu - Thanh Hóa), mở mang giáo hóa, khơi thông mọi tập tục khác lạ, răn điều ác, chỉ điều thiện, khác nào một trận mưa rào thấm nhuần cây cỏ, không ai là không hớn hở vui tươi”. Sự kiện này cũng đã được xác tín trong các tư liệu khác, chẳng hạn cuốn: “Lý Thường Kiệt - lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý” bằng chữ quốc ngữ do Hoàng Xuân Hãn biên soạn trong đó có nhắc đến sự kiện vào năm 1105, Đại sư Sùng Tín vâng mệnh Thái Hậu Linh Nhân (tức Nguyên Phi Ỗ Lan, vợ vua Lý Nhân Tông) vào thăm tướng quân Lý Thường Kiệt ở phủ Thanh Hóa, hai ông xuất phát từ bể Phấn Đại, ngược dòng Ngu Giang đến ngã ba Tào Xuyên thuyền dừng dưới núi Long Tỵ (chỉ Hàm Rồng ngày nay). Hai ông lên núi, Đại sư Sùng Tín nói với Tướng quân Lý Thường Kiệt: “Núi này đẹp lạ. Đã có kẻ dựng chùa ở đây rồi (chùa dựng trong động Linh Quang - động Mắt Rồng). Ta không làm được việc đó nữa. Còn có chỗ nào thanh lịch từ xưa, thì đưa ta tới thăm chơi” (Hoàng Xuân Hãn, 2003). Xem thế cũng đủ thấy mức độ sùng mộ đạo Phật của người dân Ái Châu đã tỏa lan khắp chốn, từ cửa thiền môn đến trang viên, làng xã. Những người được giao trông coi Ái Châu như Chu Công, Chu Văn Thường, những thị giả như Vũ Thừa Thao, những vị Đại sư như Sùng Tín cho đến những tăng quan như Pháp Bảo và các thiện nam, tín nữ khắp chốn trong Ái Châu đã làm nên một diện mạo và sắc thái Phật giáo xứ Thanh rất đậm đà.

4.2. Hoạt động của các sư tăng và đóng góp chủ yếu

Nho thần Lê Quát sống vào thời Trần từng nhận xét về mức độ sùng tín đạo Phật trong xã hội thời bấy giờ như sau: “Từ trong kinh thành cho đến ngoài châu phủ, kể cả những nơi thôn cùng ngõ hẻm, không bảo mà người ta cứ theo, không hẹn mà người ta cứ tin, hễ nơi nào có nhà ở là ắt có chùa chiền...”⁷. Vì thế không ngạc nhiên, giai đoạn này xuất hiện nhiều vị thiền sư lỗi lạc, ngay cả các vị vua cũng là những vị thiền sư, Phật tử thuần thành. Các nhà sư như Vạn Hạnh, Không Lộ, Thông Biện, Viên Chiếu thời Lý; Tuệ Trung, Pháp Loa, Huyền Quang, Bảo Phát thời Trần không chỉ đơn thuần là những nhà tu hành mà còn là những người có uy tín và mức độ ảnh hưởng chính trị rất lớn đến quốc gia.

Trước khi Đạo Phật trở nên cường thịnh ở Thanh Hóa vào thời Lý-Trần, Phật giáo đã có nền tảng xã hội khá đáng kể trên vùng đất này trước đó nhiều thế kỷ. Vào thời nhà Đường, Phật giáo đã được phổ biến trên đất Thanh với các hoạt động như mở mang chùa tháp, tu tập, giảng đạo dưới sự thúc đẩy của một số vị thiền sư. Theo cố GS Hoàng Xuân Hãn thì Thiền sư Pháp Hiển, không rõ năm sinh, mất năm 626 (thuộc thời nhà Đường) đã “đi giảng đạo, dựng chùa khắp mọi nơi ở Phong Châu (Sơn Tây) Hoan Châu (Nghệ An), Trảng Châu (Ninh Bình) và Ái Châu (Thanh Hoá)”. Đồng thời, theo *Thiền Uyển Tập Anh ngữ lục*, thì sư Pháp Hiển, đệ tử của phái Nam Phương (một phái Thiền tông Trung Hoa), cũng đã cho xây nhiều tháp ở các chùa tại Trảng Châu, Ái Châu (Thanh Hoá)... để dựng 5 hòn xá lị Phật do Tùy Cao Tổ ban sang. Trong cuốn Đại Đường *Cầu pháp Cao tăng Truyện* của tác giả Nghĩa Tĩnh, có ghi tên 6 vị sư Việt Nam từng sang Ấn Độ cầu pháp thỉnh kinh, trong đó có hai vị sư quê ở Ái Châu là Pháp sư Trí Hành và Thiền sư Đại Thặng Đăng. Hai vị sư này đều thông hiểu chữ Phạn, có phạm danh và bước chân của họ đã trải dài từ Trung Hoa đến Ấn Độ. Pháp sư Trí Hành tên phàm là Prajnadeva, đã từng xuống Nam Hải đến nước Ấn Độ, hoạt động truyền bá ở phía Bắc sông Hằng và mất ở chùa Tĩnh Giả vào khoảng năm

6) Văn bia Văn Lỗi Sơn Sùng Nghiêm tự bi nham

7) Văn bia Bắc Giang Bái Thôn Thiệu Phúc Tự bi ký

50 tuổi. Thiền sư Đại Thặng Đăng có tên phàm Mahayana-Pradija, thuở bé theo cha mẹ đi thuyền đến lưu vực sông Mê-Nam rồi mới xuất gia. Sau theo sứ nhà Đường là Diễn Tự vào kinh đô nhà Đường học đạo với tam tạng Pháp sư Huyền Trang (đời Đường Thái Tông 627-649). Ở Trường An vài năm, sư đã xem hết sách kinh mà vẫn muốn đi lễ thánh tích, liền vượt biển sang Srilanka qua Nam Ấn, Đông Ấn, Trung Ấn rồi đến Malaca. Ngài viên tịch ở chùa Bát niết bàn (Parinirvana, Kucinagara) lúc 60 tuổi.

Từ sau cuộc mở mang, giáo hóa và thúc đẩy Phật giáo phát triển của Lý Thường Kiệt trong thời gian trị nhậm Ái Châu, nhiều nhà sư, chư tăng và các thị giả được coi trọng, uy tín và vị trí của họ trong cộng đồng được đề cao. Hiện nay, chưa có nhiều thư tịch ghi chép chi tiết, cụ thể về lai lịch, hành trạng và hoạt động của các vị thiền sư gốc gác quê Thanh cũng như những vị chư tăng đến Thanh Hóa để tu tập, giảng đạo và giáo hóa chúng sinh. Tuy nhiên, căn cứ vào ghi chép của một số thư tịch cổ và các văn bia cho thấy, hoạt động của họ vẫn khá đáng kể. Qua những thông tin ít ỏi đó, có thể nhìn nhận và đánh giá về họ các bình diện học vấn, tư tưởng, tình cảm và cống hiến đối với lịch sử Xứ Thanh nói chung, Phật giáo ở Xứ Thanh nói riêng dưới giai đoạn Lý-Trần. Thậm chí nhiều ghi chép không những cho biết tên tuổi các vị thiền sư mà còn cho phép nghĩ rằng, còn có không ít những ngôi chùa “đại danh lam” trên đất Xứ Thanh mà ngày nay chúng ta không còn được thấy.

Văn bia chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh (dựng năm 1118) và văn bia chùa Linh Xứng (dựng năm 1126) đều cho biết: “nhà sư Pháp Bảo ở chùa Diên Phúc-Tư Thánh (Thanh Hóa) trong thời gian đó (thời Lý) là “chi bản quận giáo môn công sự” tức là người coi công việc chung của giáo môn ở quận Cửu Chân (Thanh Hóa)” (Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Triết học, 1988, tr. 151). Như vậy, sớm nhất vào thời nhà Lý đã có thiền sư chịu trách nhiệm phụ trách hoạt động Phật giáo ở Xứ Thanh là Thiền sư Pháp Bảo. Ông từng làm việc dưới quyền điều hành trực tiếp của Lý Thường Kiệt trong thời gian Thái úy làm Tổng trấn Ái Châu. Thời gian này Thiền sư Pháp Bảo được phong Giác Tính Hải Chiếu Đại Sư. Sau khi Lý Thường Kiệt đã về triều, ông vẫn ở lại Thanh Hoá và được phong Thông Thiền Hải Chiếu Đại Sư. Pháp Bảo vừa trụ trì thuyết pháp ở chùa vừa là tăng quan quản lý toàn bộ Phật giáo ở Thanh Hoá.

Qua nội dung và hành văn của văn bia “Ngưỡng Sơn Linh Xứng tự bi minh” do chính Thiền sư Pháp Bảo khởi soạn, có thể thấy sự thấm đẫm ngôn ngữ và lý luận Phật học: “Chày kinh đánh nhẹ, tiếng vang ngấm đất, thức tỉnh u mê, phá tan tục lụy, khuyến bảo việc lành, răn đe điều ác”. Hơn nữa, ta còn thấp thoáng thấy được tư tưởng chính trị và tư tưởng tôn giáo hòa đồng trong các vị thiền sư thời kỳ này. Nội dung văn bia chủ yếu nhắc đến việc dựng chùa Linh Xứng trên núi Ngưỡng Sơn và công lao của Thái úy quốc công Lý Thường Kiệt, nhưng ngôn ngữ diễn đạt vẫn toát lên tinh thần Phật giáo mạnh mẽ với những từ ngữ mang đậm tư tưởng Phật giáo như Pháp Khí, Đốn-Tiệm, Như Lai, 16 vị La Hán, Ưu Bà Di... Điều nữa gây tò mò cho những nhà nghiên cứu Phật giáo Thanh Hóa là *thiền sư Sa Môn truyền pháp* (một danh xưng khác của Pháp Bảo Đại Sư) trụ trì ngôi chùa có tên Diên Phúc-Tư Thánh theo văn bia đề cập, đến nay chưa rõ chùa nào, nằm ở đâu, có thể đây cũng là một cổ tự có tiếng thời Lý trên đất Thanh đã từng tồn tại. Những hoạt động giáo hóa và hành đạo của Thiền sư Pháp Bảo trên đất Thanh là khá đáng kể, ông cũng là người soạn bia “Sùng Nghiêm Diên Thánh tự bi minh tịnh tự” vào năm 1118 với nội dung ca ngợi giáo lý đạo Phật và những người có công đốc xuất dân chúng, già trẻ xây dựng lại chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh.

Cùng với Pháp Bảo, thì Thiền sư Pháp Dung cũng là một trong những vị thiền sư tiêu biểu ở Xứ Thanh thời Lý-Trần. Tư liệu cho biết, ông là người quê ở Giáp Bối Lý (nay là Thiệu Trung, Thiệu Hóa), là hậu duệ của châu mục Ái Châu là Lê Lương đời Đường, trải qua 15 đời là danh tộc của Châu Ái. Người có cha cũng là một tăng sĩ, tên gọi là Huyền Ngưng, đạo hiệu Tăng Phán. Theo như mô tả thì “sư hình dung tú dị, ăn nói thanh cao. Đối với kinh vàng kệ ngọc, không gì là không đọc tụng. Nhỏ theo Tăng thống Nguyễn Khánh Hỷ xuất gia. Hỷ thấy, lấy làm lạ, bèn trao pháp ấn. Từ đó, Sư buông chí núi sông, chẳng ngại chỗ tới. Đến lúc phải đi hóa đạo, Sư bèn trác tích tại chùa Khai Giác núi Thấu Phong, dạy dỗ học trò, người học đầy nhà. Sau Sư trở về núi Ma Ni, dựng chùa để dưỡng lão... Ngày 15 tháng 2 năm Giáp Ngọ Thiên Cảm Chí Bảo thứ nhất (1174), Sư không bệnh mà hóa. Môn nhân Đạo Lâm làm lễ hỏa táng ở núi đó và dựng tháp để thờ” (Lê Mạnh Thát, 1999).

Tư liệu ghi chép và diễn giải lai lịch, hoạt động của Thiền sư Pháp Dung, so sánh giữa tài liệu của Lê

Mạnh Thát và Hoàng Xuân Hãn có đôi chỗ khác nhau. Tuy nhiên, nếu căn cứ vào tài liệu của GS Hoàng Xuân Hãn thì có thêm không ít thông tin bổ sung để hiểu hơn về cuộc đời, con người, gia tộc và hành đạo của vị thiền sư nổi tiếng này. Trong tác phẩm “*Lý Thường Kiệt, Lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý*” GS Hoàng Xuân Hãn cho biết, Sư Đạo Dung tên thật là gì thì *Thiền Uyển Tập Anh* không chép nhưng Văn bia chùa Hương Nghiêm có ghi mà nay mòn không thấy chữ nữa. Thiền sư vốn có xuất thân quý tộc, dòng dõi họ Lê Lương nổi danh Ái Châu, thân phụ là Tăng quan *Huyền Nghi* được vua Thái Tông nhà Lý rất kính trọng, gọi là “*Đạo Quang Trưởng Lão*”, sau một lần từ phương Nam về (năm 1031 theo ĐVSKTT và Việt Sử lược), qua Giáp Bối Lý, đã cho sửa chữa lại chùa Hương Nghiêm và cấp cho 5 tên đến giúp việc, đồng thời vua sai trưởng lão trụ trì luôn ở đó. Sư Đạo Dung còn có một “tùng huynh” tên là Lưu Khánh Đàm người huyện Ngũ Giang, thôn Yên Lăng (thuộc Thọ Xuân ngày nay). Thiền sư Pháp Dung được biết đến là người sớm biểu lộ tư tưởng theo khuynh hướng Phật giáo mạnh mẽ, được Cao tăng Khánh Hỷ xem là một kỳ nhân và truyền thụ Phật pháp rất căn bản. Khả năng hiểu biết, thông tuệ triết lý Phật học của Thiền sư Pháp Dung theo GS Hoàng Xuân Hãn cho rằng, có ảnh hưởng lớn từ vị cao tăng thầy của ông là Thiền sư Nguyễn Khánh Hỷ. Chuyện kể rằng, một hôm, Thiền sư Pháp Dung hỏi Cao tăng: “tôi đã hiểu rõ nghĩa chữ *không* và chữ *sắc*. *Sắc* là bởi kẻ phàm thấy, *không* là bởi kẻ Thánh thấy. Có phải thế không?”. Cao tăng liền trả lời bằng một bài kệ:

*“Ở đời chớ hỏi sắc và không,
Học đạo chẳng qua tìm tổ tông.
Trông quế trên trần sao được rậm.
Tìm Tâm ngoài Phật khó lòng mong.
Bao hàm nhật nguyệt trong hạt cải,
Thu hết càn khôn đầu mũi lông.
Đại dụng rõ ràng tay nắm chặt,
Ai hay phàm thánh, biết đâu cùng”*
(Hoàng Xuân Hãn, 2003)

Từ đó Thiền sư không ngại gian khó, quyết mình dẫn thân. Sau khi vượt sông Nhị Lô (Nhị Hà) lập chùa Khai Giác, rời Thanh Hóa một thời gian. Năm Đinh Tỵ (1077) trở về ấp cũ, cho sửa lại chùa Hương Nghiêm. Rồi đến năm Đinh Mão (1087), Thiền sư Đạo Dung lại được vua Nhân Tông triều Lý triệu tới kinh đô, lập đạo tràng trong cung. Năm Nhâm Dần (1122) trở về Xứ Thanh, thấy cảnh chùa (Hương Nghiêm) đổ nát, sư cho tu sửa lại, đặt tiệc mừng, lập đàn cầu tự cho vua và cầu phúc cho dân. Những việc này đã được ghi lại trong *Thiền Uyển Tập Anh* và Văn bia chùa Hương Nghiêm.

Như vậy, có thể thấy các vị thiền sư thời Lý ở Thanh Hóa chính là những gương mặt đại diện cho giới tri thức tinh hoa, thông tường kinh sử, thấu đáo giáo lý và sẵn sàng nhập thế để giáo hóa giúp đời.

Các địa điểm như Vân Lỗi Sơn và Núi Ma Ni là những điểm thiêng của Phật giáo Lý-Trần ở Thanh Hóa thời bấy giờ. Qua bia “Vân Lỗi Sơn Sùng Nghiêm tự đại bi nam” có ca ngợi một vị “Đại hòa thượng”, trụ trì chùa Khánh Lâm⁸, ẩn cư góc rừng, bỏ thân quyền xuất gia đầu Phật. Chúng tôi ngờ rằng, có thể ngôi chùa Khánh Lâm và môn đệ Đạo Lâm của Pháp Dung Thiền sư có mối quan hệ nào đó với địa điểm Vân Lỗi Sơn, núi Ma Ni với vị “Đại hòa thượng”, vị thiền sư mà văn bia Vân Lỗi đã đề cập. Có điều chắc chắn là, vùng cửa biển Đông Bắc Xứ Thanh thời Lý-Trần đã thu hút khá đông đảo các vị chư tăng đến tu tập, giảng đạo, dựng chùa, đúc tượng và mở mang cảnh trí.

Qua văn bia chùa Linh Xứng cho thấy, Thiền sư Sùng Tín (hay Mãn Giác Thiền sư⁹) chính là người đã cùng với Lý Thái úy “ngược dòng bơi thuyền ra đến cửa Phấn Đại (cửa sông Mã nay), dừng thuyền ở chân núi Long Tỵ (tức núi Hàm Rồng nay). Rồi: “Dời thuyền đi về phía tây, qua dòng sông Nam Thạc

8) Đến nay chưa rõ ngôi chùa này ở đâu?

9) Theo cổ GS Hoàng Xuân Hãn trong “*Lý Thường Kiệt, Lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý*” Nxb Quân Đội Nhân dân (2003) thì Sùng Tín là một cách gọi khác của Hoài Tín, biệt hiệu của Mãn Giác Thiền sư, tức Lý Trường, một vị sư nổi tiếng đời Lý Nhân Tông.

(sông Lèn ngày nay), đến ấp nổi danh Đại Lý (xã Hà Ngọc ngày nay)¹⁰ để tìm đất ưng ý dựng chùa Linh Xứng. Thiền sư Pháp Bảo đã thuật lại lời nhận xét của Lý Thường Kiệt về tầm cao tư tưởng của Thiền sư Mãn Giác qua văn bia như sau: “Trường lão thật là một bậc chân tu có pháp khí thỏa được tính sáng, mở được lòng mê, tùy thuận theo cái nguồn gốc nhanh nhẹn hay ngu đần mà chỉ ra cho phép tu Đốn hay phép tu Tiệm”¹¹.

Một số vị thiền sư thời kỳ này cũng được nhắc đến, chủ yếu qua văn bia như Thiền sư *Huệ Thống*, *sư Pháp Trung*, *sư Pháp Nhân*.. là những môn đệ của Thiền sư Pháp Bảo rồi 88k các Thiền sư như *Thích Nghĩa Thường*, *Thích Pháp Lương*, *Thích Hệ Lăng* trong văn bia hiện nay ở làng Tế Độ, Hoàng Phúc (Hoàng Hóa)¹², nhưng chủ yếu chỉ đề cập pháp hiệu và chức vụ Phật giáo như tín thụ, chủ chùa, trụ trì... mà chưa đề cập rõ lai lịch và các hoạt động hành đạo khác. Tuy nhiên, thông qua việc ca ngợi lòng hiếu thuận và việc hưng công dựng chùa Minh Tịnh đối với ông Hoàng Thừa Vũ (con Trai Hoàng Khánh Văn) người trông coi Trại Thanh Hoa thời Lý, có thể thấy rằng, những tu sĩ, chư tăng trong chốn thiền môn ở Thanh Hóa thời kỳ này có mối liên hệ khá mật thiết với bộ máy của chính quyền cũng như là chỗ dựa về mặt tri thức đối với đội ngũ quan lại.

Tư liệu cũng cho biết gia đình cháu gái Thái úy Lý Thường Kiệt, vợ là Diệu Tính, chồng là Sùng Chân đã cho hai con thứ xuất gia tu Phật, một người là *sư Viên Giác*, pháp danh là *Pháp Trí*, một người là *sư Minh Ngộ*, pháp danh *Pháp Ân*. Rồi dựng một ngôi chùa ở phía Đông núi Ngưỡng Sơn gọi là *Thánh Ân*¹³. Cả hai đều tu tập và hành đạo trên đất Thanh trong thời Nhà Lý.

Qua những nhận thức ban đầu cho thấy không khí sinh hoạt Phật giáo trong dân chúng và hoạt động của các nhà sư ở Thanh Hóa thời kỳ này tập trung trong các tài liệu sử học và văn bia. Nguồn tài liệu ghi chép chính sử rất ít ỏi, thiếu tính hệ thống. Tuy nhiên, một số gương mặt điển hình như Lý Thường Kiệt, Pháp Bảo, Pháp Dung, Huệ Thống, Pháp Trung, Pháp Nhân, Sùng Tín... là những người được ghi nhận có các hoạt động Phật giáo nổi bật ở xứ Thanh cả trong chốn thiền môn và cả đời sống thế tục. Vai trò cầu nối giữa tư tưởng tôn giáo với bộ máy chính quyền giai đoạn này được củng cố thông qua các gương mặt chư tăng, quan lại trở nên mật thiết, đó cũng là chủ trương chung của Phật giáo Lý-Trần nhưng đồng thời lại khá cần thiết đối với vùng đất Ái Châu, phen dậu của quốc gia Đại Việt trong giai đoạn tự chủ.

Qua nội dung một số văn bia và các tài liệu, sách sử chính thống có phản ánh các khía cạnh liên quan đến hoạt động Phật giáo ở xứ Thanh dưới thời Lý - Trần, có thể đi đến một số kết luận cơ bản như sau:

- Gần như chắc chắn phần nhiều trong số những vị thiền sư ở Thanh Hóa vào thời Lý-Trần vẫn chưa được kê cứu, đề cập đầy đủ, toàn diện, mới chỉ dừng lại một số gương mặt, tăng đồ mang tính đại diện, chủ yếu trong các văn bia cổ. Hoạt động của các vị thiền sư thời kỳ này ở Thanh Hóa chủ yếu gắn với việc hưng công, khởi dựng một số ngôi chùa lớn như Linh Xứng, Báo Ân, Sùng Nghiêm, Hương Nghiêm... và có sự liên quan khá mật thiết với bộ máy triều đình cùng đội ngũ quan lại, đặc biệt là Thái úy Lý Thường Kiệt.

- Tư tưởng, hành đạo và hoạt động Phật giáo ở Thanh Hóa thời Lý-Trần phản ánh tinh thần Phật giáo khoan hòa, dung dị và nhập thế với đời sống của nhân dân, họ là những gương mặt tiêu biểu đại diện cho giới tri thức tinh hoa, với nhiều hoạt động giáo hóa chúng sinh tích cực. Nó cũng cho thấy, vào thời Lý-Trần, Ái Châu tỏ ra là một vùng đất có sức thu hút lớn đối với các vị chư tăng, thiền sư trong nước. Nhiều vị được triều đình coi trọng (Đạo Dung), có cả những vị Đại sư nổi tiếng (Mãn Giác thiền sư) đến đất Thanh để phổ biến kinh Phật và giáo hóa chúng sinh.

- Lực lượng các nhà tu hành, với nhiều vị thiền sư khai trí và thông tuệ đã trở thành đội ngũ dẫn thân, đóng góp to lớn vào bối cảnh xã hội đất Thanh thời bấy giờ. Điều mà các sách sử và văn bia đã thuật chép khách quan và cần được nghiên cứu một cách kỹ lưỡng hơn để sáng tỏ và bổ sung thêm cho lịch sử Thanh Hóa thời Lý - Trần.

Theo cập nhật danh sách điều tra khảo sát các ngôi chùa đã xếp hạng ở Thanh Hóa hiện nay gồm 56

10) , 20 Văn bia Ngưỡng Sơn Linh Xứng tự bi minh.

11) Văn bia Minh Tịnh Tự bi văn

12

13) Văn bia Ngưỡng Sơn Linh Xứng tự bi minh

chùa ở 18 huyện, thị xã trong tỉnh (theo đơn vị hành chính cũ trước khi tổ chức triển khai chính quyền 2 cấp), Các chùa Linh Xứng, Báo Ân, Sùng Nghiêm, Hưng Phúc nổi tiếng trong lịch sử hiện tại chỉ còn lại một số chùa, số khác đã trở thành tàn tích hoặc không còn tồn tại đến ngày nay. Tuy nhiên, có thể nói qua các hiện vật văn bia, tư liệu Hán nôm hiện tồn thì đây là những bằng chứng vật chất đáng giá, nếu được tổ chức khác thác đúng mức, sẽ có tiềm năng phát huy giá trị rất lớn trong đời sống xã hội đương đại trên các bình diện giáo dục truyền thống, đáp ứng nhu cầu tâm linh-tín ngưỡng, phát triển du lịch cho địa phương.

Để phát huy vai trò của các di sản văn hóa Phật giáo thời Lý - Trần ở xứ Thanh nói riêng và các chùa đã xếp hạng trên địa bàn tỉnh nói chung, cần lưu ý một số vấn đề cơ bản gồm:

Tăng cường vai trò quản lý nhà nước và cộng đồng:

- Xây dựng bộ quy chuẩn thực hành tín ngưỡng tại các chùa đã xếp hạng.
- Phân cấp quản lý rõ ràng giữa các bên liên quan.
- Tổ chức lớp bồi dưỡng cho trụ trì, phật tử, cán bộ văn hóa xã, phường về bảo vệ di sản tâm linh.

Phát triển du lịch tâm linh có trách nhiệm:

- Thiết kế tour du lịch gắn với giáo dục văn hóa – lịch sử.
- Hạn chế thương mại hóa lễ hội bằng cách quy hoạch điểm bán lẻ vật, loại bỏ dịch vụ bói toán, mê tín.
- Huy động sự tham gia của nhà nghiên cứu, nghệ nhân trong việc phục dựng nghi lễ chuẩn mực.

Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục ý thức cộng đồng:

- Tăng cường truyền thông về ý nghĩa đích thực của các nghi lễ.
- Sử dụng phương tiện truyền thông số để lan tỏa văn hóa chùa một cách tích cực, đúng định hướng.

- Khuyến khích thanh niên tham gia bảo vệ và phục vụ lễ hội tại chùa.

5. Kết luận

Có thể nói, trong các chùa đã xếp hạng trên địa bàn tỉnh nói chung, trong đó có các chùa là vết tích Phật giáo thời Lý-Trần là những tài sản văn hóa to lớn của địa phương. Không chỉ là nguồn sử liệu quan trọng về di tích, nhân vật, lịch sử vùng đất mà còn bao chứa nhiều giá trị về văn tự, văn học nghệ thuật, kiến trúc điêu khắc... Nếu được quy hoạch phục dựng, tái tạo, phục hồi một cách nghiêm túc hứa hẹn sẽ là những điểm đến du lịch đáng giá trên hành trình nhận thức về lịch sử - văn hóa xứ Thanh. Hiện nay, vấn đề thiết kế phục hồi, trùng tu, tôn tạo các ngôi chùa ở xứ Thanh mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng còn không ít hạn chế, kết quả trùng tu đôi chỗ còn thiếu sự gắn kết với các ý nghĩa triết lý của Đạo Phật. Nên có các bộ phận chuyên trách và sự tham gia của các cơ quan chuyên môn tham mưu trong công tác quy hoạch bảo tồn. Trong giai đoạn tới, rất cần có các giải pháp phù hợp và cách nhìn tổng quát, tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với di sản văn hóa, tích cực xã hội hóa trong công tác trùng tu, tôn tạo di tích gắn với tham vấn có trách nhiệm với các bên liên quan. Đạo Phật là tôn giáo song hành với lịch sử dân tộc, khoan dung, khoan hòa với truyền thống và bản sắc văn hóa Việt Nam, do đó việc bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa Phật giáo thời kỳ Lý-Trần ở Thanh Hóa sẽ góp phần quảng bá hình ảnh tốt đẹp của vùng đất, con người xứ Thanh đối với bạn bè trong nước và quốc tế.

Tài liệu tham khảo

- Hoàng Xuân Hân (2003). *Lý Thường Kiệt: Lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý*. NXB Quân đội nhân dân.
- Kim Sơn - Thiên phái Trúc Lâm (1337/1999). *Thiền Uyển Tập Anh* (Lê Mạnh Thát, dịch).
- Lê Mạnh Thát (1999). *Nghiên cứu về Thiền Uyển Tập Anh*. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. <http://phathoc.net/thu-vien/lich-su/lich-su-phat-giao-viet-nam>
- Lê Văn Tạo, & Nguyễn Văn Hải (2008). *Những bia ký điển hình ở Thanh Hóa*. NXB Thanh Hóa.
- Ngô Sĩ Liên và các đại thần Triều Lê (1993). *Đại Việt sử ký toàn thư*. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam dịch. NXB Khoa học xã hội.
- Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Triết học (1988). *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*. NXB Khoa học xã hội.
- Việt sử lược* (1960). NXB Văn Sử Địa.